

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Chí Tâm

Ông Hoàng Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham
gia phiên tòa:*** Bà Lê Ngọc Niêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần B, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: số nhà C Khóm O, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Lê H, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm O, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 17/5/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn
chị Trần A trình bày:*

Chị và anh Lê H tự nguyện sống chung với nhau năm 2003, đăng ký kết hôn vào ngày 14/9/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N (nay là Phường A, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng chị sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau chị và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh H đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân với nhau từ khoảng 07 năm nay. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Lê H.

Về con chung: Chị và anh Lê H có bốn con chung tên Lê N, sinh ngày 25/4/2004; cháu Lê M, sinh ngày 17/3/2006; cháu Lê B, sinh ngày 11/10/2011 và cháu Lê D, sinh ngày 23/02/2014. Hai cháu N và M đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; Cháu B đang sống chung với chị, chị yêu cầu được nuôi cháu Lê B, sinh ngày 11/10/2011, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Còn cháu Lê D, sinh ngày 23/02/2014 đang sống chung với anh H, cháu D cũng có nguyện vọng muốn sống chung với cha nên chị đồng ý giao con chung tên D cho anh H nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lê H lập ngày 01/7/2024, anh H trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần A thì anh cũng thống nhất ly hôn với chị A vì giữa anh và chị A cũng đã ly thân với nhau lâu rồi, anh không còn tình cảm gì với chị A. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị A không chung thủy nên vợ chồng anh không sống chung nữa. Giữa anh và chị A đúng là có bốn đứa con chung như chị A trình bày, các cháu tên N và M đã trưởng thành, cháu B đang sống chung với chị A, cháu D đang sống chung với anh, anh đồng ý giao cháu B cho chị A nuôi dưỡng, anh yêu cầu nuôi con chung tên D, không ai cấp dưỡng cho ai nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh đồng ý ly hôn với chị A nhưng anh không ra Tòa án tham gia.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn có mặt đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có yêu cầu xét xử vắng mặt chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị A được ly hôn với anh H. Về con chung: Hai cháu N và M đã trưởng thành, không ai đề nghị giải quyết gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; Đề nghị giao cháu Lê B, sinh ngày 11/10/2011 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao cháu Lê D, sinh ngày 23/02/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê H và chị Trần A là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N (nay là Phường A, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng vào ngày 14/9/2007 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị A là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa anh H và chị A, theo chị A cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể tiếp tục sống chung với nhau như vợ chồng được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh H đã ly thân với nhau khoảng 07 năm nay, chị thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nên chị A nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Lê H; Còn anh H đã được Tòa án mời lên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn nhưng không đến tham gia hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa đồng thời thể hiện ý kiến không còn tình cảm với chị A và đồng ý ly hôn với chị A. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của anh H và chị A đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, không còn yêu thương nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa anh H và chị A là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A, cho chị A được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Anh Lê H và chị Trần A có bốn con chung.

[3.1] Anh H và chị A đều trình bày hai cháu Lê N, sinh ngày 25/4/2004 và Lê M, sinh ngày 17/3/2006 đều đã trưởng thành, có gia đình riêng không ai yêu cầu xem xét, giải quyết gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết đối với cháu N và cháu M.

[3.2] Còn đối với hai cháu Lê B, sinh ngày 11/10/2011 và cháu Lê D, sinh ngày 23/02/2014, theo anh H và chị A đều trình bày hiện nay cháu B do chị A trực tiếp nuôi dưỡng và cháu D do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu B và cháu D hiện nay đều trên 07 tuổi, cháu B có nguyện vọng sống với mẹ là chị A; cháu D có nguyện vọng sống với cha là anh H. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Giữa anh H và chị A thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giao con chung, cụ thể chị A tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, phù hợp với nguyện vọng của cháu B và cháu D, không làm xáo trộn môi trường sống của các cháu và không làm ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu cho nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu B cho

chị A tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi và dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho anh H; giao cháu D cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi, dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho anh H.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Trần A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng chị A được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005234 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Anh Lê H không phải chịu án phí.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần A.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần A được ly hôn với anh Lê H.

2/ Về con chung:

2.1/ Đối với nghĩa vụ nuôi con của hai cháu Lê N và Lê M Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.2/ Giao cháu Lê B, sinh ngày 11/10/2011 cho chị Trần A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. anh Lê H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

2.3/ Giao cháu Lê D, sinh ngày 23/02/2014 cho anh Lê H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Trần A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Chị Trần A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị Trần A được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005234 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Anh Lê H không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường A, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng